

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH

Về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước

Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định về Bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước.¹

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động trực tiếp hoặc liên quan đến bảo tồn và sử dụng các vùng đất ngập nước trên phạm vi lãnh thổ của Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ sử dụng trong Nghị định được hiểu như sau:

¹ Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 146/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

1. Bảo tồn vùng đất ngập nước là duy trì, bảo vệ cấu trúc, chức năng, đặc tính sinh thái và đa dạng sinh học của vùng đất ngập nước.

2. Dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước là những lợi ích do hệ sinh thái đất ngập nước mang lại cho con người.

3. Đặc tính sinh thái vùng đất ngập nước là tập hợp các thành phần, các quá trình và các dịch vụ hệ sinh thái đặc trưng cho vùng đất ngập nước tại một thời điểm nhất định.

4. Công ước Ramsar là tên viết tắt của Công ước về các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế.

5. Hệ sinh thái đất ngập nước là khu vực bao gồm quần xã sinh vật và các yếu tố phi sinh vật của một vùng đất ngập nước nhất định có tác động qua lại và trao đổi vật chất với nhau.

6. Khu bảo tồn đất ngập nước là khu bảo tồn thiên nhiên có diện tích đất ngập nước chiếm tỷ lệ từ 50% diện tích của khu bảo tồn trở lên.

7. Khu Ramsar là vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế được Ban thư ký Công ước Ramsar công nhận.

8. Vùng đất ngập nước là vùng đầm lầy, vùng đất than bùn, vùng ngập nước thường xuyên hoặc ngập nước tạm thời theo mùa, kể cả các vùng ven biển, ven đảo có độ sâu không quá 06 mét khi ngấn nước thủy triều thấp nhất.

Điều 3. Nguyên tắc bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước

1. Việc bảo tồn và sử dụng vùng đất ngập nước phải được thực hiện trên nguyên tắc tiếp cận hệ sinh thái, bảo đảm duy trì toàn vẹn cấu trúc, chức năng, đặc tính sinh thái và đa dạng sinh học của vùng đất ngập nước.

2. Tăng cường vai trò, sự tham gia của cộng đồng dân cư sinh sống trên, xung quanh vùng đất ngập nước và các bên liên quan trong bảo tồn, sử dụng bền vững vùng đất ngập nước.

3. Đảm bảo cơ chế chia sẻ lợi ích công bằng, hợp lý về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các bên liên quan trong việc sử dụng dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước.

Điều 4. Quản lý nhà nước về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước

Nội dung quản lý nhà nước về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước gồm:

1. Ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước; các quy định của Công ước Ramsar.

2. Xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước trên phạm vi cả nước và từng địa phương.

3. Thống kê, kiểm kê; điều tra, đánh giá, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về các vùng đất ngập nước; quan trắc, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường và đa dạng sinh học của các vùng đất ngập nước quan trọng; lập, thẩm định, ban hành và điều chỉnh Danh mục các vùng đất ngập nước quan trọng trên phạm vi toàn quốc.

4. Tổ chức lập, thẩm định, thành lập và quản lý các khu bảo tồn đất ngập nước; đề cử công nhận và quản lý khu Ramsar; hướng dẫn quản lý các vùng đất ngập nước quan trọng nằm ngoài khu bảo tồn.

5. Tổ chức việc nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, đào tạo nhân lực cho bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước.

6. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước quan trọng.

7. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia của các bên liên quan, cộng đồng về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước.

Điều 5. Các hoạt động khuyến khích trên vùng đất ngập nước

Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, cộng đồng dân cư đầu tư, tham gia vào các hoạt động sau đây:

1. Bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên và loài chim di cư tại vùng đất ngập nước.

2. Phục hồi các vùng đất ngập nước quan trọng, các hệ sinh thái đất ngập nước tự nhiên đã bị suy thoái hoặc bị khai thác quá mức; duy trì và phòng ngừa sự biến đổi các đặc tính sinh thái vùng đất ngập nước.

3. Giám sát các hoạt động trên vùng đất ngập nước quan trọng; phát hiện và thông báo kịp thời với cơ quan chức năng về các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn và sử dụng bền vững vùng đất ngập nước quan trọng.

4. Thực hiện mô hình sinh kế bền vững về môi trường, mô hình bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước, các hoạt động du lịch sinh thái theo quy định của pháp luật.

Chương II

THỐNG KÊ, KIỂM KÊ, ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ VÀ QUAN TRẮC CÁC VÙNG ĐẤT NGẬP NƯỚC

Điều 6. Thống kê, kiểm kê các vùng đất ngập nước

Các vùng đất ngập nước phải được thống kê, kiểm kê và công bố theo quy định của pháp luật về đất đai; pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

Điều 7. Điều tra, đánh giá các vùng đất ngập nước

1. Các vùng đất ngập nước được điều tra, đánh giá và xác lập chế độ bảo tồn và sử dụng bền vững.

2. Thông tin cơ bản cần thu thập, điều tra và đánh giá đối với vùng đất ngập nước:

a) Tên, vị trí địa lý, ranh giới và tọa độ của vùng đất ngập nước trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất hoặc tọa độ trên mặt nước biển; diện tích (ha) vùng đất ngập nước và các kiểu đất ngập nước;

b) Các chức năng, dịch vụ hệ sinh thái cơ bản; các giá trị kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường của vùng đất ngập nước;

c) Các loài cư trú, sinh sống và phát triển trên vùng đất ngập nước, bao gồm các loài bản địa, nguy cấp, quý, hiếm, di cư; loài và số lượng cá thể chim nước;

d) Các mối đe dọa, hình thức bảo tồn và sử dụng vùng đất ngập nước.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tổ chức điều tra, đánh giá đối với các vùng đất ngập nước thuộc địa bàn quản lý và đề xuất các vùng đất ngập nước quan trọng trên địa bàn quản lý theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường².

Điều 8. Tiêu chí xác định vùng đất ngập nước quan trọng

1. Vùng đất ngập nước quan trọng là vùng đất ngập nước có diện tích từ 50 ha trở lên đối với đất ngập nước ven biển, ven đảo hoặc từ 5 ha trở lên đối với đất ngập nước nội địa, có chứa hệ sinh thái tự nhiên quan trọng đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chí sau:

a) Có chứa ít nhất một kiểu đất ngập nước tự nhiên có tính đặc thù hoặc đại diện cho một vùng sinh thái;

b) Là nơi sinh sống tự nhiên thường xuyên hoặc theo mùa của ít nhất một loài đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm hoặc của 1.000 cá thể chim nước, chim di cư trở lên hoặc nơi nuôi dưỡng và bãi đẻ của ít nhất một loài thủy sản có giá trị;

c) Giữ vai trò quan trọng trong điều hòa nguồn nước, cân bằng sinh thái cho một vùng sinh thái của địa phương, liên tỉnh, quốc gia, quốc tế;

d) Có giá trị đặc biệt về cảnh quan, sinh thái nhân văn, lịch sử, văn hóa đối với địa phương, quốc gia, quốc tế.

2. Vùng đất ngập nước quan trọng được phân cấp thành vùng đất ngập nước quan trọng đối với quốc gia và vùng đất ngập nước quan trọng đối với địa phương.

3. Vùng đất ngập nước quan trọng đối với quốc gia là vùng đất ngập nước quan trọng có diện tích từ 5.000 ha trở lên đối với đất ngập nước ven biển, ven

² Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

đảo hoặc vùng có diện tích từ 300 ha trở lên đối với đất ngập nước nội địa và đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chí sau:

- a) Có chứa ít nhất một kiểu đất ngập nước tự nhiên có tính đặc thù hoặc đại diện cho một vùng sinh thái liên tỉnh hoặc quốc gia;
- b) Là nơi sinh sống tự nhiên thường xuyên hoặc theo mùa của ít nhất một loài đặc hữu hoặc 05 loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm hoặc một loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc của 10.000 cá thể chim nước, chim di cư trở lên;
- c) Giữ vai trò quan trọng trong điều hòa nguồn nước, cân bằng sinh thái của một vùng liên tỉnh hoặc quốc gia;
- d) Có giá trị đặc biệt về cảnh quan, sinh thái nhân văn, lịch sử, văn hóa đối với quốc gia.

4. Vùng đất ngập nước quan trọng đối với địa phương là vùng đất ngập nước quan trọng thuộc địa bàn quản lý của một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tại khoản 1 Điều này, trừ các vùng đất ngập nước quan trọng đối với quốc gia quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 9. Danh mục các vùng đất ngập nước quan trọng

1. Danh mục các vùng đất ngập nước quan trọng có các nội dung cơ bản sau:
 - a) Tên, vị trí địa lý, ranh giới và tọa độ của vùng đất ngập nước;
 - b) Diện tích vùng đất ngập nước và các kiểu đất ngập nước;
 - c) Tiêu chí đáp ứng vùng đất ngập nước quan trọng và phân cấp vùng đất ngập nước quan trọng;
 - d) Hình thức quản lý, bảo tồn vùng đất ngập nước.
2. Trên cơ sở đề xuất của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường³ tổng hợp, tổ chức thẩm định và ban hành Danh mục các vùng đất ngập nước quan trọng trên phạm vi toàn quốc.
3. Điều chỉnh Danh mục các vùng đất ngập nước quan trọng:
 - a) Định kỳ 05 năm một lần hoặc trong trường hợp cần thiết, Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁴ rà soát, cập nhật, điều chỉnh Danh mục các vùng đất ngập nước quan trọng trên phạm vi cả nước;
 - b) Trong trường hợp có biến động về diện tích các vùng đất ngập nước quan trọng, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các

³ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

⁴ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Bộ có liên quan gửi kết quả thống kê, kiểm kê vùng đất ngập nước về Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁵ cập nhật, điều chỉnh Danh mục các vùng đất ngập nước quan trọng.

4. Các vùng đất ngập nước quan trọng trong Danh mục được công bố là một nội dung của quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học và quy hoạch tỉnh.

Điều 10. Quan trắc vùng đất ngập nước quan trọng

1. Nội dung quan trắc vùng đất ngập nước quan trọng bao gồm:

- a) Diện tích, ranh giới của vùng đất ngập nước, các kiểu đất ngập nước;
- b) Chế độ thủy văn, chất lượng môi trường nước, trầm tích đáy;
- c) Đa dạng sinh học và mối đe dọa.

2. Tổ chức thực hiện quan trắc:

a) Cơ quan quản lý vùng đất ngập nước quan trọng có trách nhiệm tổ chức quan trắc các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Các điểm quan trắc chất lượng môi trường nước, trầm tích trên các vùng đất ngập nước quan trọng đối với quốc gia, địa phương là một bộ phận của mạng lưới quan trắc chất lượng môi trường quốc gia, địa phương;

c) Việc quan trắc chế độ thủy văn trên các vùng đất ngập nước quan trọng được thực hiện theo quy định về quan trắc thủy văn.

Điều 11. Cơ sở dữ liệu về các vùng đất ngập nước

1. Cơ sở dữ liệu về các vùng đất ngập nước là một phần của cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học và bao gồm:

a) Các thông tin, dữ liệu về điều tra, kiểm kê, đánh giá và quan trắc các vùng đất ngập nước;

b) Các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật, quy trình kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về các vùng đất ngập nước;

e) Thông tin, dữ liệu khác liên quan đến các vùng đất ngập nước.

2. Định kỳ 03 năm một lần, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo về các vùng đất ngập nước thuộc địa bàn quản lý tới Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁶.

⁵ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

⁶ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁷ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng báo cáo về các vùng đất ngập nước trên phạm vi toàn quốc; xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về các vùng đất ngập nước thống nhất với cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học.

Chương III

QUẢN LÝ CÁC VÙNG ĐẤT NGẬP NƯỚC QUAN TRỌNG

Mục 1. THÀNH LẬP KHU BẢO TỒN ĐẤT NGẬP NƯỚC

Điều 12.⁸ (được bãi bỏ)

Điều 13. Thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia⁹

1. Nguyên tắc thành lập:

a) Có dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia phù hợp với quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học và quy hoạch tỉnh;

b) Đáp ứng các tiêu chí khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia theo quy định tại Điều 17, khoản 2 Điều 18, khoản 2 Điều 19 và khoản 2 Điều 20 Luật Đa dạng sinh học.

2. Thẩm quyền thành lập:

a) Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức lập, thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia có diện tích nằm trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia có diện tích nằm trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập, thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia có toàn bộ diện tích trên địa bàn quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia có toàn bộ diện tích trên địa bàn quản lý.

3. Nội dung dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước, gồm:

a) Mục đích bảo tồn đa dạng sinh học; việc đáp ứng các tiêu chí để xác lập khu bảo tồn đất ngập nước;

b) Hiện trạng các hệ sinh thái tự nhiên, nhân tạo, đặc thù; các loài nguy cấp, quý, hiếm; các loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên

⁷ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

⁸ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 40 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

bảo vệ; các loài hoang dã khác; cảnh quan môi trường, giá trị văn hóa, lịch sử, nét đẹp độc đáo của tự nhiên và các dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước nơi dự kiến thành lập khu bảo tồn;

c) Đánh giá hiện trạng quản lý, sử dụng đất ngập nước; hiện trạng kinh tế và xã hội khu vực dự kiến thành lập khu bảo tồn, các mối đe dọa đến vùng đất ngập nước và phương án chuyển đổi mục đích sử dụng đất;

d) Trích lục bản đồ, vị trí địa lý, diện tích vùng đất ngập nước dự kiến thành lập khu bảo tồn;

đ) Vị trí địa lý, diện tích của phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái, phân khu dịch vụ - hành chính; ranh giới từng phân khu; phương án ổn định cuộc sống hoặc di dời hộ gia đình, cá nhân ra khỏi nơi dự kiến thành lập khu bảo tồn;

e) Kế hoạch quản lý khu bảo tồn;

g) Tổ chức quản lý khu bảo tồn;

h) Vị trí địa lý, diện tích, ranh giới vùng đệm của nơi dự kiến thành lập khu bảo tồn;

i) Tổ chức thực hiện dự án thành lập khu bảo tồn.

4. Hồ sơ giấy hoặc hồ sơ điện tử được số hóa, gồm:

a) Văn bản đề nghị thành lập khu bảo tồn đất ngập nước theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Dự thảo quyết định thành lập khu bảo tồn đất ngập nước theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Báo cáo kết quả thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Trình tự thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

a) Cơ quan chuyên môn được giao lập dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia (Cơ quan chuyên môn) trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hồ sơ đề nghị thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia. Hồ sơ gồm: văn bản đề nghị thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước theo quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này và các tài liệu theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 4 Điều này;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ thẩm định hợp lệ, đầy đủ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành (Cơ quan thường trực) trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định thành lập Hội đồng thẩm định. Hội đồng hoạt động theo Quy chế quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm

theo Nghị định này;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập, Hội đồng tổ chức họp và báo cáo kết quả thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này. Nội dung thẩm định gồm: mục đích bảo tồn đa dạng sinh học của khu bảo tồn; mức độ đáp ứng tiêu chí thành lập khu bảo tồn; vị trí địa lý, ranh giới, diện tích khu bảo tồn, các phân khu chức năng và vùng đệm của khu bảo tồn; kế hoạch quản lý khu bảo tồn; tổ chức quản lý khu bảo tồn và các ý kiến của các bên liên quan;

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có Báo cáo kết quả thẩm định, Cơ quan chuyên môn hoàn thiện dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia và gửi về Cơ quan thường trực hồ sơ đề nghị thành lập khu bảo tồn theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 4 Điều này;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã được hoàn thiện, Cơ quan thường trực trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường có văn bản lấy ý kiến đồng thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ranh giới thuộc khu bảo tồn đất ngập nước do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường thành lập. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời;

e) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đồng thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan thường trực trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia. Hồ sơ trình đề nghị thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia theo quy định tại khoản 4 Điều này và văn bản đồng thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại điểm đ khoản này;

g) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia theo hình thức bản giấy hoặc bản điện tử.

6. Trình tự thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh được giao lập dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước (Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ đề nghị thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước. Hồ sơ gồm văn bản đề nghị thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước theo quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này và các tài liệu theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 4 Điều này;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ thẩm định hợp lệ, đầy đủ theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành cấp tỉnh (Cơ quan thường trực cấp tỉnh) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định. Hội đồng hoạt động theo Quy chế quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo

Nghị định này;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập, Hội đồng tổ chức họp và báo cáo kết quả thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này. Nội dung thẩm định gồm: mục đích bảo tồn đa dạng sinh học của khu bảo tồn; mức độ đáp ứng tiêu chí thành lập khu bảo tồn; vị trí địa lý, ranh giới, diện tích khu bảo tồn, các phân khu chức năng và vùng đệm của khu bảo tồn; kế hoạch quản lý khu bảo tồn; tổ chức quản lý khu bảo tồn và các ý kiến của các bên liên quan;

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có Báo cáo thẩm định, Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh hoàn thiện dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước và gửi về Cơ quan thường trực cấp tỉnh hồ sơ đề nghị thành lập khu bảo tồn theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 4 Điều này;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã được hoàn thiện, Cơ quan thường trực cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản lấy ý kiến đồng thuận của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với thành lập khu bảo tồn đất ngập nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có văn bản trả lời;

e) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đồng thuận của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cơ quan thường trực cấp tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập khu bảo tồn đất ngập nước. Hồ sơ trình đề nghị thành lập khu bảo tồn đất ngập nước theo quy định tại khoản 4 Điều này và văn bản đồng thuận của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại điểm đ khoản này;

g) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập khu bảo tồn đất ngập nước theo hình thức bản giấy hoặc bản điện tử.

7. Quyết định thành lập khu bảo tồn đất ngập nước theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 14. Thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp tỉnh¹⁰

1. Nguyên tắc thành lập:

a) Có dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp tỉnh phù hợp với quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học và quy hoạch tỉnh;

b) Đáp ứng các tiêu chí của khu bảo tồn cấp tỉnh quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 7 Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, chỉ đạo cơ quan chuyên môn lập dự

¹⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

án, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và quyết định thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp tỉnh.

3. Nội dung dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 32 Nghị định này.

4. Hồ sơ thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 32 Nghị định này.

5. Trình tự thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 13 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 32 Nghị định này.

6. Quyết định thành lập khu bảo tồn đất ngập nước theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này.

Mục 2. QUẢN LÝ KHU BẢO TỒN ĐẤT NGẬP NƯỚC

Điều 15. Tổ chức quản lý khu bảo tồn đất ngập nước

1. Tổ chức quản lý khu bảo tồn đất ngập nước được thực hiện theo quy định của Luật đa dạng sinh học.

2. Tổ chức quản lý khu bảo tồn đất ngập nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật đa dạng sinh học và các nhiệm vụ đặc thù sau đây:

a) Quản lý các hoạt động sử dụng dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước theo Quy chế quản lý khu bảo tồn đất ngập nước và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Tổ chức thực hiện các hoạt động về bảo tồn vùng đất ngập nước trong khu bảo tồn theo các chương trình, kế hoạch, đề án hoặc đề tài, dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

c) Tổ chức triển khai các hoạt động du lịch sinh thái, phương án chia sẻ lợi ích trong sử dụng bền vững dịch vụ hệ sinh thái khu bảo tồn đất ngập nước sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp với lực lượng kiểm ngư, kiểm lâm, cảnh sát biển, lực lượng cứu hộ, cứu nạn, các cơ quan quản lý chuyên môn cấp tỉnh và cộng đồng dân cư thực hiện quản lý, bảo tồn và sử dụng dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước;

đ) Thực hiện các chương trình kiểm soát, cô lập, diệt trừ các loài ngoại lai xâm hại trong vùng đất ngập nước quan trọng và chương trình bảo tồn các loài nguy cấp, quý, hiếm thuộc vùng đất ngập nước;

e) Thực hiện đầy đủ chế độ kiểm tra, giám sát, báo cáo định kỳ theo quy định của Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 16. Xác lập và quản lý các hoạt động trong phân khu chức năng của khu bảo tồn đất ngập nước

1. Các khu bảo tồn đất ngập nước được phân khu chức năng. Các phân khu chức năng phải xác định diện tích; ranh giới, tọa độ trên bản đồ trong dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước và đánh dấu, thả mốc ranh giới trên thực địa sau khi có quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm:

a) Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt là khu vực được xác lập với diện tích đủ để bảo tồn nguyên vẹn mẫu chuẩn hệ sinh thái đất ngập nước theo diễn thế tự nhiên của hệ sinh thái này;

b) Phân khu phục hồi sinh thái là khu vực được xác lập để phục hồi, bảo tồn, sử dụng bền vững nhằm đảm bảo khả năng tái tạo hệ sinh thái này;

c) Phân khu dịch vụ - hành chính là khu vực được xác lập để phục vụ công tác điều hành, quản lý khu bảo tồn, nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường, du lịch sinh thái, bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học.

2. Các hoạt động diễn ra trong từng khu bảo tồn đất ngập nước phải tuân thủ Quy chế quản lý cụ thể của khu bảo tồn do cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định này và không trái với các quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này.

3. Quy định đối với phân khu bảo vệ nghiêm ngặt:

a) Không tiến hành các hoạt động: ngăn cản đường đi của các loài thủy sinh; điều tra, khảo sát, thăm dò, khai thác khoáng sản; cư trú trái phép; lấn chiếm đất ngập nước, chuyển đổi trái phép mục đích sử dụng đất; phá hoại cảnh quan, hủy hoại hệ sinh thái tự nhiên và các hành vi gây ảnh hưởng tiêu cực đến khu bảo tồn đất ngập nước;

b) Không triển khai các hoạt động làm thay đổi đặc tính sinh thái vùng đất ngập nước, bao gồm: thay đổi chế độ thủy văn; gây ô nhiễm môi trường; thay đổi cấu trúc của hệ sinh thái và biến động thành phần loài;

c) Không săn bắt, đánh bắt, khai thác loài hoang dã, trừ việc vì mục đích nghiên cứu khoa học được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; không chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản và xây dựng công trình, nhà ở, trừ công trình phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh;

d) Bảo vệ sự phát triển tự nhiên của hệ sinh thái, sinh cảnh tự nhiên của các loài chim nước, chim di cư và bảo tồn các loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm; Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và các loài bản địa;

đ) Được thu thập các mẫu vật của các loài sinh vật theo quy định của pháp luật;

e) Được thực hiện các biện pháp phòng, ngừa dịch bệnh, suy thoái hệ sinh thái trong phân khu.

4. Quy định đối với phân khu phục hồi sinh thái:

a) Tuân thủ các quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này; không

chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô trang trại, nuôi trồng thủy sản quy mô công nghiệp; xây dựng công trình, nhà ở trái phép; không săn bắt các loài chim nước, chim di cư; bảo vệ các loài thuộc các Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm; danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và các loài bản địa;

b) Khoanh nuôi tự nhiên phục hồi các loài thủy sinh, trồng và làm giàu hệ sinh thái rừng ngập mặn bằng các loài bản địa; khôi phục hệ sinh thái rạn san hô, thảm cỏ biển và các sinh cảnh thích hợp của các loài nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật;

c) Được thả, nuôi phục hồi các loài sinh vật bản địa; phục hồi và bảo vệ các hệ sinh thái đất ngập nước tự nhiên trong phân khu;

d) Được thu thập mẫu vật các loài sinh vật theo quy định của pháp luật;

đ) Được triển khai hoạt động du lịch sinh thái, giải trí theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện các giải pháp phòng ngừa biến đổi đặc tính sinh thái vùng đất ngập nước và phục hồi hệ sinh thái đất ngập nước trong phân khu.

5. Quy định đối với phân khu dịch vụ hành chính:

a) Tuân thủ các quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này;

b) Việc xây dựng công trình hoặc dự án đầu tư phát triển phục vụ cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển hệ sinh thái tự nhiên, kết hợp với các hoạt động phục vụ du lịch sinh thái và giáo dục môi trường trong phạm vi khu bảo tồn đất ngập nước phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Được nuôi trồng thủy sản bền vững về môi trường và khoanh nuôi các loài sinh vật bản địa theo quy định của pháp luật;

d) Được thu thập mẫu vật các loài sinh vật theo quy định của pháp luật;

đ) Được thực hiện các hoạt động du lịch sinh thái, giải trí và một số hoạt động khác theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên trong phân khu.

Điều 17. Kế hoạch quản lý khu bảo tồn đất ngập nước

1. Kế hoạch quản lý khu bảo tồn là một nội dung của dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước.

2. Cơ quan lập dự án thành lập khu bảo tồn triển khai xây dựng kế hoạch quản lý khu bảo tồn theo nội dung cơ bản quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Nội dung cơ bản của kế hoạch quản lý khu bảo tồn đất ngập nước:

a) Tóm tắt điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh; đa dạng sinh học, di tích lịch sử - văn hóa, cảnh quan thiên nhiên;

b) Mục tiêu, phạm vi quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học trong khu bảo tồn

đất ngập nước;

c) Các phân khu chức năng của khu bảo tồn, các chương trình về bảo tồn, sử dụng bền vững và phục hồi đa dạng sinh học; kế hoạch phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên trong khu bảo tồn;

d) Các mối đe dọa đến khu bảo tồn đất ngập nước và hoạt động quản lý, bảo vệ, phát triển bền vững vùng đất ngập nước;

đ) Các đề tài, dự án ưu tiên và khái toán kinh phí vốn đầu tư, phân kỳ đầu tư xây dựng khu bảo tồn đất ngập nước; kinh phí thường xuyên cho các hoạt động bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học;

e) Giải pháp và tổ chức thực hiện.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Kế hoạch quản lý khu bảo tồn đất ngập nước thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương; Bộ Nông nghiệp và Môi trường¹¹ phê duyệt Kế hoạch quản lý khu bảo tồn thuộc thẩm quyền quản lý của bộ.

5.¹² Kế hoạch quản lý khu bảo tồn đất ngập nước thực hiện theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 18. Quy chế quản lý khu bảo tồn đất ngập nước

1. Cơ quan quản lý khu bảo tồn xây dựng Quy chế quản lý khu bảo tồn sau khi được thành lập và trình cấp có thẩm quyền ban hành. Đối với Quy chế quản lý khu bảo tồn thuộc địa bàn của một tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương phải có ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường¹³ trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

2. Nội dung cơ bản của Quy chế quản lý khu bảo tồn đất ngập nước bao gồm:

a) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng;

b) Ranh giới khu bảo tồn và phân khu chức năng;

c) Quản lý các hoạt động trong khu bảo tồn;

d) Quyền hạn, trách nhiệm của Tổ chức quản lý khu bảo tồn; các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành; Ủy ban nhân dân¹⁴ cấp xã có ranh giới hoặc diện tích nằm trong khu bảo tồn, vùng đệm khu bảo tồn và các tổ chức, cá nhân

¹¹ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

¹² Khoản này được bổ sung theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

¹³ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

¹⁴ Cụm từ “cấp huyện,” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

khác có liên quan đến các hoạt động của khu bảo tồn;

đ) Nguồn lực và tổ chức thực hiện Quy chế.

3. Trách nhiệm ban hành Quy chế quản lý khu bảo tồn đất ngập nước

a) Bộ Nông nghiệp và Môi trường¹⁵ ban hành Quy chế quản lý khu bảo tồn đất ngập nước có diện tích nằm trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quy chế quản lý khu bảo tồn đất ngập nước thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương.

4.¹⁶ Quy chế quản lý khu bảo tồn đất ngập nước thực hiện theo quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 19. Quản lý vùng đệm của khu bảo tồn đất ngập nước

1. Tiêu chí xác định vùng đệm:

a) Vùng đệm được xác định là khu vực liền kề, bao quanh ranh giới khu bảo tồn đất ngập nước và được xác định theo ranh giới hành chính cấp xã; đối với khu vực không có địa giới hành chính có độ rộng tối thiểu 1.000 mét tính từ ranh giới khu bảo tồn đất ngập nước;

b) Phạm vi ranh giới, diện tích vùng đệm được xác định trên bản đồ và thực địa đồng thời với việc lập dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước.

2. Vùng đệm được quản lý nhằm ngăn chặn và giảm thiểu các tác động bất lợi tới khu bảo tồn đất ngập nước; hạn chế các dự án, hoạt động gây ảnh hưởng tiêu cực đến khu bảo tồn đất ngập nước.

3. Ủy ban nhân dân¹⁷ cấp xã nơi có diện tích quản lý nằm trong vùng đệm thực hiện trách nhiệm:

a) Tuyên truyền, vận động nhân dân trong địa bàn vùng đệm tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước; thực hiện các biện pháp ngăn chặn sự xâm hại đến khu bảo tồn đất ngập nước;

b) Quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học vùng đệm theo quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với tổ chức quản lý khu bảo tồn, cơ quan quản lý khu bảo tồn

¹⁵ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

¹⁶ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

¹⁷ Cụm từ “cấp huyện,” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

hoặc các bên có liên quan trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến khu bảo tồn trong phạm vi quyền hạn theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức quản lý khu bảo tồn đất ngập nước có trách nhiệm:

a) Tổ chức các biện pháp thu hút cộng đồng dân cư vùng đệm tham gia quản lý khu bảo tồn, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên trong vùng đệm;

b) Phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan chuyên ngành có liên quan trong giải quyết, xử lý các vấn đề liên quan đến vùng đệm;

c) Chủ trì hoặc phối hợp với các bên liên quan triển khai các dự án đầu tư vùng đệm, giảm áp lực đến đa dạng sinh học khu bảo tồn đất ngập nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư cư trú hoặc có các hoạt động trong vùng đệm khu bảo tồn đất ngập nước có trách nhiệm và quyền được tham gia thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học của khu bảo tồn và phát triển bền vững vùng đệm do cơ quan quản lý khu bảo tồn hoặc chính quyền địa phương tổ chức.

Điều 20. Chuyển đổi, chuyển hạng, chuyển cấp khu bảo tồn đất ngập nước

1. Các vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh và khu bảo vệ cảnh quan có diện tích đất ngập nước chiếm từ 50% diện tích khu bảo tồn trở lên được xem xét chuyển đổi thành khu bảo tồn đất ngập nước và được hưởng chính sách đầu tư về bảo tồn, sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Khu bảo tồn đất ngập nước được xem xét để chuyển hạng, chuyển cấp quản lý căn cứ theo tình hình thực tế và tiêu chí phân hạng, phân cấp khu bảo tồn đất ngập nước quy định tại Điều 12 Nghị định này.

3. Việc chuyển hạng, chuyển cấp quản lý khu bảo tồn đất ngập nước được thực hiện theo các quy định về lập, thẩm định và phê duyệt dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước quy định tại Điều 13, Điều 14 Nghị định này.

Điều 21. Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn đất ngập nước

1. Khu bảo tồn đất ngập nước được xem xét điều chỉnh ranh giới, diện tích để phù hợp với thực tiễn quản lý.

2. Việc điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn đất ngập nước được thực hiện theo các quy định về lập, thẩm định và phê duyệt dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước tại Điều 13, Điều 14 Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 22. Quy định về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước quan trọng thuộc rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển

Các khu rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển nằm trên hoặc có một phần

diện tích đất ngập nước thuộc Danh mục các vùng đất ngập nước quan trọng có trách nhiệm thực hiện các hoạt động sau đây:

1. Xây dựng nội dung về bảo vệ, bảo tồn và sử dụng bền vững vùng đất ngập nước trong các kế hoạch, quy chế quản lý khu rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển.

2. Thực hiện các hoạt động bảo tồn hệ sinh thái đất ngập nước, duy trì chế độ thủy văn tự nhiên và đảm bảo chất lượng môi trường nước đối với các vùng đất ngập nước trong khu rừng đặc dụng, khu bảo tồn biển theo quy định của Nghị định này và quy định pháp luật có liên quan.

3. Đánh giá hiện trạng vùng đất ngập nước trong khu rừng đặc dụng, khu bảo tồn biển và thực hiện giải pháp bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học vùng đất ngập nước.

4. Báo cáo định kỳ 03 năm một lần hoặc đột xuất về công tác quản lý vùng đất ngập nước trong khu rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển cho cơ quan quản lý nhà nước về đa dạng sinh học.

Điều 23. Quản lý các khu Ramsar

1. Nội dung quản lý các hoạt động trong khu Ramsar:

a) Thực hiện các quy định đối với quản lý khu bảo tồn đất ngập nước;

b) Xây dựng và triển khai chương trình bảo tồn, sử dụng bền vững vùng đất ngập nước; kế hoạch quản lý khu Ramsar; quan trắc, đánh giá sự biến động đặc tính sinh thái của khu Ramsar, định kỳ 06 năm một lần;

c) Thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin về khu Ramsar theo yêu cầu của cơ quan đầu mối quốc gia Công ước Ramsar và báo cáo kịp thời sự biến đổi đặc tính sinh thái của khu Ramsar;

d) Thực hiện đánh giá hiệu quả quản lý các khu Ramsar và các yêu cầu về bảo tồn, sử dụng bền vững vùng đất ngập nước của Ban thư ký Công ước Ramsar.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường¹⁸ là cơ quan đầu mối quốc gia hướng dẫn thực hiện Công ước Ramsar; thành lập, vận hành hoạt động mạng lưới các khu Ramsar trên toàn quốc.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường¹⁹ lập hồ sơ đề cử, quản lý Các khu Ramsar và tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động của Công ước

¹⁸ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

¹⁹ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Ramsar tại địa phương theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường²⁰.

Mục 3. QUẢN LÝ CÁC VÙNG ĐẤT NGẬP NƯỚC QUAN TRỌNG NẸM NGOÀI KHU BẢO TỒN VÀ CHIA SẺ LỢI ÍCH TRONG SỬ DỤNG VÙNG ĐẤT NGẬP NƯỚC QUAN TRỌNG

Điều 24. Tổ chức quản lý vùng đất ngập nước quan trọng nằm ngoài khu bảo tồn

1. Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường²¹ cấp tỉnh giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện quản lý nhà nước về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước quan trọng trên địa bàn; xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế phối hợp quản lý vùng đất ngập nước quan trọng nằm ngoài khu bảo tồn trên địa bàn.

2. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động trên các vùng đất ngập nước quan trọng có trách nhiệm bảo tồn và sử dụng bền vững vùng đất ngập nước theo Quy chế phối hợp quản lý các vùng đất ngập nước quan trọng và các quy định pháp luật có liên quan.

3.²² Quy chế phối hợp quản lý các vùng đất ngập nước quan trọng nằm ngoài khu bảo tồn thực hiện theo quy định tại Mẫu số 08 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 25. Quy định về bảo tồn và sử dụng bền vững vùng đất ngập nước quan trọng nằm ngoài khu bảo tồn

1. Yêu cầu đối với các hoạt động trên vùng đất ngập nước quan trọng nằm ngoài khu bảo tồn:

a) Duy trì chế độ thủy văn tự nhiên của vùng đất ngập nước; duy trì, bảo vệ các chức năng và dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước;

b) Không tiến hành các hoạt động gây ô nhiễm môi trường vùng đất ngập nước quan trọng; không gây tổn hại đến các loài nguy cấp, quý, hiếm và sinh cảnh của các loài chim nước di cư, chim nước, nơi nuôi dưỡng và bãi đẻ của các loài thủy sản;

c) Bảo vệ cảnh quan, di tích lịch sử, văn hóa của vùng đất ngập nước;

d) Thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với các hoạt động đầu tư

²⁰ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

²¹ Cụm từ “bảo vệ môi trường” được thay thế bởi cụm từ “nông nghiệp và môi trường” theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

²² Khoản này được bổ sung theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

phát triển theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; không triển khai các dự án đầu tư gây tổn hại đến chức năng, dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước và làm thay đổi đặc tính sinh thái vùng đất ngập nước quan trọng;

đ) Triển khai các biện pháp phòng ngừa sự biến đổi đặc tính sinh thái vùng đất ngập nước quan trọng; phục hồi vùng đất ngập nước quan trọng bị suy thoái;

e) Thực hiện nội dung quy định tại Quy chế phối hợp quản lý vùng đất ngập nước quan trọng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

2. Nội dung cơ bản của Quy chế phối hợp quản lý vùng đất ngập nước quan trọng gồm có:

a) Ranh giới và diện tích vùng đất ngập nước quan trọng;

b) Các mối đe dọa đến vùng đất ngập nước và yêu cầu đối với các hoạt động trong vùng đất ngập nước quan trọng, bao gồm các yêu cầu cụ thể của hoạt động được phép, không được phép triển khai trong vùng đất ngập nước quan trọng;

c) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có hoạt động trên vùng đất ngập nước, các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các cấp có địa bàn quản lý nằm trong hoặc giáp ranh với vùng đất ngập nước quan trọng và các bên có liên quan đến vùng đất ngập nước quan trọng;

d) Nguồn lực tổ chức thực hiện Quy chế phối hợp quản lý vùng đất ngập nước quan trọng.

3. Các khu rừng phòng hộ, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản thuộc vùng đất ngập nước quan trọng có trách nhiệm bảo tồn và sử dụng bền vững vùng đất ngập nước theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Điều 26. Chia sẻ lợi ích từ dịch vụ hệ sinh thái của vùng đất ngập nước quan trọng

1. Nguyên tắc chia sẻ lợi ích:

a) Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan, giữa bảo tồn và sử dụng dịch vụ hệ sinh thái thuộc vùng đất ngập nước quan trọng;

b) Các hoạt động sử dụng dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước quan trọng thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức quản lý khu bảo tồn được chia sẻ một phần lợi ích bằng tiền thu được từ các hoạt động sử dụng dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước hoặc các kết quả nghiên cứu trong khu bảo tồn đất ngập nước để phục vụ công tác quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học vùng đất ngập nước.

2. Các bên liên quan được chia sẻ lợi ích từ dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước quan trọng bao gồm:

a) Tổ chức quản lý khu bảo tồn đất ngập nước, vùng đất ngập nước quan trọng nằm ngoài khu bảo tồn và cơ quan thực hiện quản lý nhà nước về vùng đất ngập nước;

b) Cộng đồng được tham gia khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên

vùng đất ngập nước quan trọng theo quy định của pháp luật;

c) Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia các hoạt động bảo tồn, bảo vệ vùng đất ngập nước quan trọng theo quy định của pháp luật;

d) Ủy ban nhân dân các cấp có diện tích thuộc vùng đất ngập nước quan trọng và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Các hoạt động chia sẻ lợi ích trên các vùng đất ngập nước quan trọng bao gồm:

a) Khai thác, sử dụng trực tiếp các giá trị, sản phẩm từ vùng đất ngập nước quan trọng, bao gồm các hoạt động khai thác thủy sản, nuôi trồng thủy sản, khai thác lâm sản, khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác;

b) Các hoạt động khai thác, sử dụng các giá trị phi vật thể, gồm có: du lịch sinh thái, nghiên cứu khoa học và đào tạo, quảng bá sản phẩm, hình ảnh về vùng đất ngập nước quan trọng, khu bảo tồn đất ngập nước.

4. Nội dung cơ bản của phương án chia sẻ lợi ích bao gồm:

a) Hiện trạng các dịch vụ hệ sinh thái vùng đất ngập nước, danh mục các lợi ích được chia sẻ;

b) Định lượng, thời điểm, phương thức, biện pháp khai thác, sử dụng dịch vụ hệ sinh thái;

c) Quyền và nghĩa vụ của đối tượng được chia sẻ lợi ích;

d) Giám sát quản lý, đánh giá tác động của việc khai thác, các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực, rủi ro có thể xảy ra trong quá trình sử dụng dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước.

5. Trách nhiệm của các bên liên quan được chia sẻ lợi ích từ dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước:

a) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo phương án chia sẻ lợi ích;

b) Thực hiện các hoạt động phòng ngừa, ứng phó các sự cố gây ô nhiễm môi trường, suy thoái các vùng đất ngập nước quan trọng khi triển khai các hoạt động trên vùng đất ngập nước.

Chương IV

NGUỒN LỰC BẢO TỒN VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG CÁC VÙNG ĐẤT NGẬP NƯỚC QUAN TRỌNG

Điều 27. Tài chính cho quản lý, bảo tồn và sử dụng bền vững đất ngập nước

1. Các hoạt động bảo tồn và sử dụng bền vững vùng đất ngập nước được chi từ các nguồn tài chính sau:

a) Ngân sách nhà nước cấp, gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương được phân cấp theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. Các nhiệm vụ chi từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật ngân sách nhà nước;

b) Đầu tư, hỗ trợ của tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân

nước ngoài;

c) Các nguồn thu được từ dịch vụ môi trường liên quan đến đa dạng sinh học, dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước và lợi nhuận từ các hoạt động dịch vụ tại vùng đất ngập nước theo quy định của pháp luật.

2. Nhà nước đảm bảo ngân sách chi thường xuyên cho các hoạt động sau:

a) Triển khai các hoạt động về bảo tồn và sử dụng bền vững vùng đất ngập nước quy định tại Điều 4 Nghị định này;

b) Vận hành bộ máy, các hoạt động quản lý khu bảo tồn đất ngập nước, khu Ramsar, các vùng đất ngập nước quan trọng nằm ngoài khu bảo tồn và mạng lưới các khu Ramsar trên toàn quốc.

3. Ưu tiên ngân sách chi thường xuyên từ nguồn sự nghiệp môi trường cho các hoạt động, nhiệm vụ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước.

Điều 28. Chính sách đầu tư cho bảo tồn và sử dụng bền vững vùng đất ngập nước quan trọng

1. Nhà nước có chính sách khuyến khích đầu tư cho bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước quan trọng, bao gồm:

a) Ưu tiên hỗ trợ, đầu tư cho các hoạt động bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước quy định tại Điều 5 Nghị định này;

b) Hỗ trợ, đầu tư cho các hoạt động bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước trong khu bảo tồn đất ngập nước, khu Ramsar, vùng đất ngập nước quan trọng nằm ngoài khu bảo tồn và vùng đệm của khu bảo tồn đất ngập nước.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư cho các hoạt động sau đây:

a) Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật quản lý và bảo tồn, sử dụng bền vững vùng đất ngập nước;

b) Đầu tư xây dựng phát triển vùng đệm phục vụ bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước trong khu bảo tồn đất ngập nước, khu Ramsar; các mô hình sinh kế bền vững tại vùng đệm khu bảo tồn đất ngập nước và mô hình bảo tồn và sử dụng bền vững vùng đất ngập nước quan trọng;

c) Các hạng mục đầu tư khác liên quan đến quản lý và bảo tồn, sử dụng bền vững vùng đất ngập nước theo quy định của pháp luật.

3. Nhà nước ưu đãi đầu tư cho các hoạt động sau đây:

a) Phục hồi các sinh cảnh, môi trường sống của các loài nguy cấp, quý, hiếm; nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; phục hồi đặc tính sinh thái vùng đất ngập nước quan trọng bị suy thoái;

b) Bảo tồn các loài nguy cấp, quý, hiếm; nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và các loài chim di cư, chim nước thuộc các vùng đất ngập nước quan trọng;

c) Chuyển đổi các sinh kế bền vững về môi trường và hài hòa với thiên nhiên, đa dạng sinh học.

Điều 29. Phát triển nguồn nhân lực và huy động sự tham gia của cộng đồng trong bảo tồn, sử dụng bền vững vùng đất ngập nước

1. Phát triển nguồn nhân lực về quản lý vùng đất ngập nước:

a) Kiện toàn tổ chức quản lý các vùng đất ngập nước quan trọng từ trung ương đến địa phương;

b) Tăng cường năng lực về quản lý, bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước cho đội ngũ cán bộ thuộc các cơ quan quản lý nông nghiệp và môi trường²³ ở trung ương và địa phương;

c) Nâng cao kỹ năng quản trị tài nguyên đất ngập nước cho các tổ chức quản lý khu bảo tồn đất ngập nước, cộng đồng dân cư và các bên liên quan đến các vùng đất ngập nước quan trọng.

2. Huy động sự tham gia của cộng đồng trong bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước:

a) Các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân đều có quyền tiếp cận các nguồn tài nguyên thiên nhiên và thông tin liên quan đến vùng đất ngập nước quan trọng theo quy định của pháp luật; được đào tạo, nâng cao nhận thức, kỹ năng và sự tham gia trong bảo tồn, sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước;

b) Thúc đẩy các phương thức quản lý, đồng quản lý các vùng đất ngập nước quan trọng với sự tham gia của cộng đồng dân cư, chính quyền các cấp và các bên có liên quan trong bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước quan trọng; phát triển các mô hình cộng đồng quản lý bền vững vùng đất ngập nước quan trọng;

c) Nâng cao trách nhiệm và đảm bảo chia sẻ công bằng lợi ích của cộng đồng trong bảo tồn, sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước quan trọng;

d) Bảo tồn và phát huy giá trị, tri thức truyền thống, bản địa trong bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước quan trọng;

đ) Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước cho mọi tầng lớp nhân dân bằng các phương thức truyền thông theo quy định của pháp luật, chú trọng sử dụng đến các phương thức truyền thông mới, có hiệu quả cao.

Điều 30. Nguồn lực thực hiện Công ước Ramsar và hợp tác quốc tế về bảo tồn, sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước

1. Đẩy mạnh các hoạt động và huy động nguồn lực thực hiện Công ước

²³ Cụm từ “cơ quan quản lý tài nguyên và môi trường” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan quản lý nông nghiệp và môi trường” theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Ramsar, hợp tác quốc tế về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước quan trọng thông qua nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trao đổi chuyên gia, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, khoa học về đất ngập nước trong và ngoài nước.

2. Huy động, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và các hỗ trợ tài chính thông qua các chương trình, dự án song phương, đa phương, các tổ chức quốc tế về xây dựng các mô hình quản lý, bảo tồn và sử dụng bền vững vùng đất ngập nước quan trọng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH²⁴

²⁴ Điều 40, Điều 41 và Điều 42 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026, quy định như sau:

Điều 40. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ký ban hành.
2. Các quy định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:
 - a) Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, khoản 5 Điều 7, Điều 11, Điều 17 Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học;
 - b) Điều 6, Điều 7, Điều 17, Điều 19, Điều 21, Điều 22, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Phụ lục I, II, III, IV, V và VI ban hành kèm theo Nghị định số 69/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen;
 - c) Nghị định số 108/2011/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 69/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen;
 - d) Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;
 - đ) Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, khoản 2, khoản 6 Điều 26, Điều 27 và Phụ lục Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;
 - e) Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi Điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;
 - g) Điều 12, khoản 2, khoản 4 Điều 31 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước;
 - h) Nghị định số 118/2020/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen;
 - i) Điều 41, Điều 42, Điều 43, khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 44, khoản 1 Điều 45, khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 46 và Phụ lục VIII Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;
 - k) Mục 9 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 41. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hồ sơ đề nghị công nhận cơ sở khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen đã tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận.
2. Đối với hồ sơ đăng ký cấp Giấy xác nhận thực vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi đã tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận.
3. Đối với trường hợp sử dụng sinh vật biến đổi gen trong điều kiện sản xuất khép kín mà chưa được cấp Giấy chứng nhận sinh vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng trong sản xuất khép kín theo quy định của Nghị định này, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng sinh vật biến đổi gen trong sản xuất khép kín phải thực hiện đăng ký theo quy định của Nghị định này.

Điều 31. Trách nhiệm của các cơ quan cấp bộ

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường²⁵:

a) Là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước trên phạm vi toàn quốc; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Nghị định này;

b) Quản lý các khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia có diện tích nằm trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên;

c) Hướng dẫn: thống kê, kiểm kê và phân loại đất ngập nước trên phạm vi toàn quốc; quan trắc các vùng đất ngập nước quan trọng; xây dựng báo cáo về các vùng đất ngập nước²⁶;

4. Đối với hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép tiếp cận nguồn gen đã tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận.

5. Đối với hồ sơ đề nghị đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại đã tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận.

6. Đối với trường hợp đã lập dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước nhưng chưa tổ chức thẩm định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành, việc thẩm định dự án và quyết định thành lập khu bảo tồn đất ngập nước thực hiện theo quy định của Nghị định này.

7. Đối với trường hợp đã hoàn thành thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành, việc quyết định thành lập khu bảo tồn đất ngập nước thực hiện theo quy định của Nghị định này.

Điều 42. Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn thực hiện, kiểm tra việc thực hiện Nghị định này;

b) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro của sinh vật biến đổi gen;

c) Kiểm tra việc thực hiện công bố xác định sinh vật biến đổi gen, sinh vật chỉnh sửa gen;

d) Thành lập Hội đồng an toàn sinh học theo các quy định tại khoản 4 Điều 18, khoản 3 Điều 23 và khoản 4 Điều 37a Nghị định số 69/2010/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tương ứng tại Điều 13, Điều 15 và Điều 18 Nghị định này. Thành phần Hội đồng an toàn sinh học gồm ít nhất 11 thành viên là đại diện của các bộ trong lĩnh vực công an, công thương, khoa học và công nghệ, nông nghiệp và môi trường, y tế và các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn liên quan. Hoạt động của Hội đồng an toàn sinh học thực hiện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

đ) Thành lập Hội đồng an toàn thực phẩm, thức ăn chăn nuôi theo các quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 69/2010/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 17 Nghị định này. Thành phần Hội đồng an toàn sinh học gồm ít nhất 11 thành viên là đại diện của các bộ trong lĩnh vực công thương, khoa học và công nghệ, nông nghiệp và môi trường, y tế và các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn liên quan. Hoạt động của Hội đồng an toàn thực phẩm, thức ăn chăn nuôi theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

e) Chỉ đạo việc kiểm tra quá trình khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen theo quy định của Nghị định này; kịp thời phát hiện và phối hợp xử lý những vi phạm hoặc rủi ro trong quá trình khảo nghiệm.

3. Tổ chức, cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ khảo nghiệm, sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, xuất khẩu, vận chuyển, lưu giữ sinh vật biến đổi gen có trách nhiệm:

a) Thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro để bảo đảm an toàn sinh học theo quy định của pháp luật;

b) Khi xảy ra rủi ro phải khẩn trương thực hiện các biện pháp khắc phục rủi ro, kịp thời báo cáo ngay với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xảy ra rủi ro;

c) Đối với tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận sinh vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng trong sản xuất khép kín, báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Môi trường khi có sự thay đổi về địa điểm sản xuất, đồng thời đảm bảo tuân thủ quy định không phát tán các sinh vật biến đổi gen trong sử dụng khép kín ra môi trường.

²⁵ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

²⁶ Cụm từ “tổ chức Hội đồng thẩm định hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn; tổ chức quản lý khu bảo tồn đất ngập nước hoặc vùng đất ngập nước quan trọng nằm ngoài khu bảo tồn” được bãi bỏ theo quy định tại khoản

d) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Nghị định này.

2.²⁷ *(được bãi bỏ)*

3.²⁸ Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi cho hoạt động quản lý, bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước quan trọng;

b) Bố trí vốn đầu tư cho các nhiệm vụ, dự án được sử dụng vốn đầu tư công để quản lý, phát triển các vùng đất ngập nước quan trọng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.²⁹ *(được bãi bỏ)*

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường³⁰ thực hiện các quy định về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước theo Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Điều 32. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Thực hiện quản lý nhà nước về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước trên địa bàn quản lý; tổ chức thực hiện các quy định của Nghị định này, các văn bản có liên quan về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước thuộc địa bàn.

2. Tổ chức quản lý các vùng đất ngập nước quan trọng thuộc trách nhiệm quản lý của địa phương; thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự biến đổi đặc tính sinh thái vùng đất ngập nước và phục hồi các hệ sinh thái đất ngập nước tự nhiên, các vùng đất ngập nước quan trọng bị suy thoái.

3. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học cho cộng đồng sống trong, xung quanh vùng đất ngập nước và tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến vùng đất ngập nước quan trọng.

4. Bố trí kinh phí thực hiện các hoạt động bảo tồn và sử dụng bền vững vùng đất ngập nước trên địa bàn từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định.

2 Điều 39 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

²⁷ Khoản này hết hiệu lực theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 40 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

²⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

²⁹ Khoản này hết hiệu lực theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 40 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

³⁰ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

5. Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường³¹, các bộ có liên quan hướng dẫn, kiểm tra các hoạt động bảo tồn và sử dụng bền vững vùng đất ngập nước quan trọng; quản lý các khu bảo tồn liên tỉnh có diện tích thuộc địa bàn và cung cấp các kết quả điều tra, kiểm kê vùng đất ngập nước về Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 33. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.
2. Nghị định số 109/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2003 của Chính phủ về Bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.
3. Các vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh và khu bảo vệ cảnh quan thuộc Danh mục các vùng đất ngập nước quan trọng, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, không phải thực hiện lại việc lập, phê duyệt thành lập mới khu bảo tồn, tổ chức quản lý khu bảo tồn và có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo tồn và sử dụng bền vững đất ngập nước theo quy định tại Nghị định này./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: /VBHN-BNNMT

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng công báo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ NNMT;
- Cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, BTTN.

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Quốc Trị

³¹ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Phụ lục V³²

**CÁC MẪU HỒ SƠ DỰ ÁN THÀNH LẬP
KHU BẢO TỒN ĐẤT NGẬP NƯỚC**

*(Kèm theo Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026
của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Văn bản đề nghị thành lập khu bảo tồn đất ngập nước
Mẫu số 02	Dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước
Mẫu số 03	Quyết định thành lập khu bảo tồn đất ngập nước
Mẫu số 04	Báo cáo kết quả thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước
Mẫu số 05	Văn bản đề nghị thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước
Mẫu số 06	Kế hoạch quản lý khu bảo tồn đất ngập nước
Mẫu số 07	Quy chế quản lý khu bảo tồn đất ngập nước
Mẫu số 08	Quy chế phối hợp quản lý vùng đất ngập nước quan trọng nằm ngoài khu bảo tồn

³² Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Cơ quan chủ quản của (1)
(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...
V/v đề nghị thành lập khu bảo tồn
đất ngập nước... (2)

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm

Kính gửi: (3)

Thực hiện Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, (1) đã phối hợp với các bên liên quan lập dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước (2).

Trên cơ sở kết quả họp Hội đồng thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước (2) vào ngày ... tháng ... năm... , (1) đã hoàn thiện dự án thành lập khu bảo tồn theo các ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm định, các bên liên quan.

(1) kính trình (3) xem xét, quyết định thành lập khu bảo tồn đất ngập nước (2).

Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

- Dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước (2), kèm theo Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, cộng đồng có liên quan và bản sao văn bản góp ý của các cơ quan có liên quan đối với dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước.

- Dự thảo quyết định thành lập khu bảo tồn đất ngập nước (2);

- Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến của Hội đồng thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước (2) tại Phụ lục 1 kèm theo công văn.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: ...

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan gửi hồ sơ thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước;
- (2) Tên và địa danh của khu vực thành lập khu bảo tồn đất ngập nước;
- (3) Cơ quan quyết định tổ chức thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước.

Phụ lục
BẢNG TỔNG HỢP TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CÁC Ý KIẾN
CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH DỰ ÁN THÀNH LẬP KHU BẢO TỒN
ĐẤT NGẬP NƯỚC (2)
(Kèm theo Công văn số / ngày... tháng... năm... của ...)

TT	Ý kiến thẩm định	Tên thành viên hội đồng	Tiếp thu, giải trình	Ghi chú

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan gửi hồ sơ thành lập khu bảo tồn đất ngập nước;
- (2) Tên và địa danh khu vực thành lập khu bảo tồn đất ngập nước;
- (3) Nội dung góp ý đối với dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước;
- (4) Các ý kiến tiếp thu, giải trình đối với nội dung thẩm định;
- (5) Nêu rõ các nội dung tiếp thu đã được chỉnh sửa cụ thể trong báo cáo dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước.

(1)

(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-(3)..

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm...

DỰ ÁN THÀNH LẬP KHU BẢO TỒN ĐẤT NGẬP NƯỚC (4)**Mở đầu:** mô tả sự cần thiết thành lập khu bảo tồn đất ngập nước**Chương 1. Hiện trạng khu vực dự kiến thành lập khu bảo tồn đất ngập nước**

- Hiện trạng các hệ sinh thái tự nhiên, nhân tạo, đặc thù; các loài nguy cấp, quý, hiếm; các loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; các loài hoang dã khác; cảnh quan môi trường, giá trị văn hóa, lịch sử, nét đẹp độc đáo của tự nhiên và các dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước nơi dự kiến thành lập khu bảo tồn;

- Đánh giá hiện trạng quản lý, sử dụng đất ngập nước; hiện trạng kinh tế và xã hội khu vực dự kiến thành lập khu bảo tồn, các mối đe dọa đến vùng đất ngập nước và phương án chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

Chương 2. Đánh giá việc đáp ứng các tiêu chí thành lập khu bảo tồn đất ngập nước

- Mô tả các tiêu chí đáp ứng tiêu chí thành lập khu bảo tồn đất ngập nước;
- Mục đích thành lập khu bảo tồn đất ngập nước.

Chương 3. Xác lập ranh giới và phân khu chức năng khu bảo tồn đất ngập nước

- Trích lục bản đồ, vị trí địa lý, diện tích vùng đất ngập nước dự kiến thành lập khu bảo tồn;

- Vị trí địa lý, diện tích của phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái, phân khu dịch vụ - hành chính; ranh giới từng phân khu; phương án ổn định cuộc sống hoặc di dời hộ gia đình, cá nhân ra khỏi nơi dự kiến thành lập khu bảo tồn;

- Vị trí địa lý, diện tích, ranh giới vùng đệm của nơi dự kiến thành lập khu bảo tồn.;

Chương 4. Định hướng quản lý khu bảo tồn đất ngập nước

- Kế hoạch quản lý khu bảo tồn;

- Tổ chức quản lý khu bảo tồn (mô hình tổ chức quản lý, nguồn lực quản lý, cơ chế quản lý, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức quản lý...);
- Tổ chức thực hiện dự án thành lập khu bảo tồn.

Kết luận

Tài liệu tham khảo

Phụ lục

- Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (5);
- Bản sao các văn bản góp ý của các cơ quan, tổ chức có liên quan đối với dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước;
- Các bảng biểu, bản đồ, hình ảnh, số liệu...

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản của cơ quan chuyên môn lập dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước;
- (2) Tên cơ quan chuyên môn lập dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước;
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan chuyên môn lập dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước;
- (4) Tên khu bảo tồn đất ngập nước và địa điểm.
- (5) Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ý kiến cộng đồng dân cư sinh sống hợp pháp trong hoặc tiếp giáp với khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia thuộc thẩm quyền thành lập của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; hoặc Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã, sở, ban ngành có liên quan và ý kiến của cộng đồng dân cư sinh sống hợp pháp trong hoặc tiếp giáp khu bảo tồn đất ngập nước thuộc thẩm quyền thành lập của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-(2)

(Địa danh), ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
THÀNH LẬP KHU BẢO TỒN ĐẤT NGẬP NƯỚC....(3)

(1)

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về Bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ;

Xét đề nghị của (4),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập khu bảo tồn đất ngập nước (3), gồm những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên gọi:
 - Tên tiếng Anh "...".
 - Loại hình khu bảo tồn:
 - Đối tượng bảo tồn:
2. Phạm vi, tọa độ khu bảo tồn
 - Vị trí địa lý, ranh giới, diện tích khu bảo tồn và vùng đệm;
 - Vị trí địa lý, ranh giới, diện tích phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái, phân khu dịch vụ - hành chính;
3. Mục đích bảo tồn đa dạng sinh học của khu bảo tồn
4. Kế hoạch phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên trong khu bảo tồn
5. Phương án ổn định hoặc di dời hộ gia đình, cá nhân sinh sống trong khu bảo tồn; phương án chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong khu bảo tồn
6. Tổ chức quản lý khu bảo tồn, gồm: chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức quản lý khu bảo tồn
7. Kinh phí vận hành hoạt động khu bảo tồn

Điều 2. Tổ chức thực hiện;

Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và các tổ chức có liên quan trong quản lý khu bảo tồn và tổ chức thực hiện quyết định thành lập khu bảo tồn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4., Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: ...

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Cơ quan quyết định thành lập khu bảo tồn đất ngập nước;
- (2) Tên viết tắt của cơ quan quyết định thành lập khu bảo tồn đất ngập nước;
- (3) Tên và địa danh khu vực thành lập khu bảo tồn đất ngập nước;
- (4) Tên cơ quan trình hồ sơ đề nghị thành lập khu bảo tồn đất ngập nước.

(1)
**HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH DỰ ÁN
 THÀNH LẬP KHU BẢO TỒN
 ĐẤT NGẬP NƯỚC (2)**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm...

BÁO CÁO

Thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước (2)

Thực hiện Quyết định số/QĐ-(3) ngày... tháng... năm... của (1) về việc thành lập Hội đồng thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước (2). Ngày ... tháng ... năm ..., tại Trụ sở (1), Hội đồng thẩm định đã tiến hành họp thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước (2). Hội đồng thẩm định đánh giá dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước (2) với những nội dung chủ yếu như sau:

I. TIẾP NHẬN VÀ XỬ LÝ HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

A. Hồ sơ trình thẩm định:

Ngày ... tháng ... năm ..., (4) đã gửi Văn bản số ... về việc thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước (2). Hồ sơ thẩm định đã đảm bảo đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm... của Chính phủ.

B. Thành lập Hội đồng thẩm định:

Ngày ... tháng ... năm ..., (1) đã ban hành Quyết định số ... về việc thành lập Hội đồng thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước (2).

Hội đồng thẩm định, gồm: (5).

II. Nội dung thẩm định:

1. Mục đích bảo tồn đa dạng sinh học của khu bảo tồn;
2. Mức độ đáp ứng tiêu chí thành lập khu bảo tồn;
3. Vị trí địa lý, ranh giới, diện tích khu bảo tồn, các phân khu chức năng và vùng đệm của khu bảo tồn;
4. Kế hoạch quản lý khu bảo tồn;
5. Tổ chức quản lý khu bảo tồn;
6. Ý kiến của các bên liên quan.

III. Kết quả thẩm định:

1. Thông tin chung về phiên họp Hội đồng thẩm định Dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước (2) theo Quyết định số...ngày ../.../... của (1)

- Thời gian: ... ngày... tháng ... năm ...
- Địa điểm:
- Thành viên Hội đồng: Danh sách tại Phụ lục kèm theo

+ Thành viên có mặt:...../.....thành viên Hội đồng, đủ điều kiện để họp Hội đồng

+ Thành viên vắng mặt:

2. Kết quả thẩm định Dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước (2)

Căn cứ vào hồ sơ đề nghị thành lập khu bảo tồn đất ngập nước (2), Hội đồng thẩm định đánh giá khu vực thành lập khu bảo tồn đất ngập nước (2) đáp ứng được các tiêu chí (6) và phù hợp với nội dung thẩm định.

Hội đồng thẩm định đã bỏ phiếu thông qua Dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước (2), trong đó có .../.. phiếu thành viên biểu quyết nhất trí thông qua, .../... phiếu thành viên biểu quyết nhất trí thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung và .../... phiếu thành viên biểu quyết không thông qua hồ sơ.

(Biên bản họp Hội đồng thẩm định, Phiếu thẩm định và Bản nhận xét của các thành viên Hội đồng được gửi kèm theo báo cáo này).

IV. Kết luận của Hội đồng thẩm định

.....

Trên đây là Báo cáo thẩm định Dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước (2).

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT, ...

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

(Ký tên, ghi rõ họ và tên và chức danh của chủ tịch hội đồng)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước;

(2) Tên và địa danh khu vực thành lập khu bảo tồn đất ngập nước;

(3) Tên viết tắt của cơ quan quyết định thành lập Hội đồng thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước;

(4) Cơ quan trình thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước;

(5) Lãnh đạo, đại diện các cơ quan, chuyên gia thuộc thành phần Hội đồng theo quyết định thành lập Hội đồng thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước.

(6) Tên khu bảo tồn thành lập: Vườn quốc gia theo quy định tại Điều 17 Luật Đa dạng sinh học; Khu dự trữ thiên nhiên cấp quốc gia theo quy định tại Điều 18 Luật Đa dạng sinh học hoặc khu dự trữ thiên nhiên cấp tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 65/2010/NĐ-CP; Khu bảo tồn loài sinh cảnh cấp quốc gia theo quy định tại Điều 19 Luật Đa dạng sinh học hoặc khu bảo tồn loài sinh cảnh cấp tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 65/2010/NĐ-CP; Khu bảo vệ cảnh quan cấp quốc gia theo quy định tại Điều 20 Luật Đa dạng sinh học hoặc khu bảo vệ cảnh quan cấp tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 65/2010/NĐ-CP.

Cơ quan chủ quản của (1)
(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm

V/v đề nghị thẩm định
dự án thành lập khu bảo tồn
đất ngập nước... (2)

Kính gửi: (3)

Thực hiện Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, (1) đã phối hợp với các bên liên quan lập dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước (2).

(1) kính gửi (3) xem xét, thẩm định báo cáo dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước (2).

Hồ sơ được gửi kèm theo:

- Dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước (2), kèm theo Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, cộng đồng có liên quan và bản sao văn bản góp ý của các cơ quan có liên quan đối với dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước.

- Dự thảo quyết định thành lập khu bảo tồn đất ngập nước (2).

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu ...

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan gửi hồ sơ thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước;
- (2) Tên và địa danh khu vực thành lập khu bảo tồn đất ngập nước;
- (3) Cơ quan quyết định tổ chức thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước.

KẾ HOẠCH QUẢN LÝ KHU BẢO TỒN ĐẤT NGẬP NƯỚC

MỞ ĐẦU

PHẦN 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ KHU BẢO TỒN ĐẤT NGẬP NƯỚC

1. Thông tin khu bảo tồn đất ngập nước *(nêu rõ tên, cấp quản lý, tọa độ địa lý và ranh giới của khu bảo tồn đất ngập nước)*.

2. Tóm tắt điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh; đa dạng sinh học, di tích lịch sử - văn hóa, cảnh quan thiên nhiên.

PHẦN 2. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG KẾ HOẠCH QUẢN LÝ

1. Mục tiêu, phạm vi quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học trong khu bảo tồn đất ngập nước

2. Các phân khu chức năng của khu bảo tồn đất ngập nước

3. Các mối đe dọa đến khu bảo tồn đất ngập nước

4. Hoạt động quản lý bảo vệ, phát triển bền vững vùng đất ngập nước

5. Các chương trình về bảo tồn, sử dụng bền vững và phục hồi đa dạng sinh học; kế hoạch phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên trong khu bảo tồn đất ngập nước

6. Các đề tài, dự án ưu tiên và khái toán kinh phí vốn đầu tư, phân kỳ đầu tư xây dựng khu bảo tồn đất ngập nước; kinh phí thường xuyên cho các hoạt động bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học.

PHẦN 3. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giải pháp thực hiện *(nêu rõ giải pháp cụ thể để triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch quản lý)*

2. Tổ chức thực hiện *(nêu rõ cách thức tổ chức quản lý, cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện kế hoạch và trách nhiệm của các bên liên quan; lộ trình thực hiện kế hoạch; thời gian điều chỉnh kế hoạch)*.

3. Kế hoạch giám sát, đánh giá.

PHỤ LỤC *(nếu có)*

QUY CHẾ QUẢN LÝ KHU BẢO TỒN ĐẤT NGẬP NƯỚC

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Giải thích từ ngữ *(nếu có)*

Điều 3. Ranh giới khu bảo tồn đất ngập nước và phân khu chức năng *(ranh giới khu bảo tồn đất ngập nước, các phân khu chức năng; vùng đệm khu bảo tồn đất ngập nước,...).*

CHƯƠNG II. QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG KHU BẢO TỒN ĐẤT NGẬP NƯỚC

Điều 4. Các hoạt động trong từng phân khu chức năng khu bảo tồn đất ngập nước *(đảm bảo theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29/7/2019 của Chính phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước)*

Điều 5. Các hoạt động trong vùng đệm của khu bảo tồn đất ngập nước *(đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29/7/2019 của Chính phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước).*

CHƯƠNG III. QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM TRONG QUẢN LÝ KHU BẢO TỒN ĐẤT NGẬP NƯỚC

Điều 6. Tổ chức quản lý khu bảo tồn đất ngập nước

Điều 7. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành

Điều 8. Ủy ban nhân dân cấp xã có ranh giới hoặc diện tích nằm trong khu bảo tồn đất ngập nước, vùng đệm của khu bảo tồn đất ngập nước

Điều 9. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến các hoạt động của khu bảo tồn đất ngập nước.

CHƯƠNG IV. NGUỒN LỰC VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY CHẾ

Điều 10. Nguồn lực thực hiện

Điều 11. Tổ chức thực hiện

Điều 12. Hiệu lực thi hành.

QUY CHẾ PHỐI HỢP QUẢN LÝ VÙNG ĐẤT NGẬP NƯỚC QUAN TRỌNG NẴM NGOÀI KHU BẢO TỒN

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Nguyên tắc quản lý, phối hợp bảo tồn và sử dụng bền vững vùng đất ngập nước quan trọng

1. Nguyên tắc bảo tồn và sử dụng bền vững
2. Nguyên tắc phối hợp

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Điều 4. Ranh giới và diện tích vùng đất ngập nước quan trọng

Điều 5. Các mối đe dọa đến vùng đất ngập nước

Điều 6. Yêu cầu đối với các hoạt động trong vùng đất ngập nước quan trọng nằm ngoài khu bảo tồn (*đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29/7/2019 của Chính phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước*).

CHƯƠNG II. TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP QUẢN LÝ

Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có hoạt động trên vùng đất ngập nước

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp có địa bàn quản lý nằm trong hoặc giáp ranh với vùng đất ngập nước quan trọng

Điều 10. Trách nhiệm của các bên có liên quan đến vùng đất ngập nước quan trọng (*các tổ chức chính trị xã hội, cộng đồng dân cư, ...*).

CHƯƠNG III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Nguồn lực tổ chức thực hiện

Điều 12. Tổ chức thi hành

1. Trách nhiệm của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh về bảo vệ môi trường trong việc tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá và báo cáo
2. Trách nhiệm thi hành của các cơ quan khác (*nếu có*).

Phụ lục VI³³**QUY CHẾ HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH HỒ SƠ DỰ ÁN THÀNH LẬP
KHU BẢO TỒN ĐẤT NGẬP NƯỚC**

*(Kèm theo Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026
của Chính phủ)*

I. Điều kiện tiến hành cuộc họp Hội đồng thẩm định

Cuộc họp Hội đồng thẩm định được tiến hành khi đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau đây:

1. Có đầy đủ hồ sơ đề nghị thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước theo quy định tại điểm a khoản 5 (đối với khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia thuộc thẩm quyền thành lập của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường) hoặc điểm a khoản 6 (đối với khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia thuộc thẩm quyền thành lập của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) Điều 32 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

2. Có sự tham gia của ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Hội đồng theo quyết định thành lập.

II. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng thẩm định

1. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc thảo luận tập thể, công khai, biểu quyết và quyết định theo đa số.

2. Ý kiến của từng thành viên hội đồng và ý kiến của hội đồng được thể hiện trong biên bản họp hội đồng thẩm định.

3. Hội đồng kết luận theo 02 mức độ: đạt yêu cầu khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên hội đồng theo quyết định thành lập trở lên đánh giá đạt và đạt với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung; không đạt yêu cầu khi trên một phần ba (1/3) số thành viên hội đồng đánh giá không đạt yêu cầu.

4. Kết quả thẩm định là kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định theo 02 mức độ quy định tại mục II.3 nêu trên.

Trong trường hợp kết quả thẩm định hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn không đạt yêu cầu, cơ quan được giao lập dự án hoàn thiện hồ sơ dự án theo kết luận của hội đồng và gửi cơ quan tổ chức thẩm định để hội đồng họp thẩm định lại.

5. Hội đồng thẩm định tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

III. Nội dung thẩm định

1. Mục đích bảo tồn đa dạng sinh học của khu bảo tồn;

³³ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

2. Mức độ đáp ứng tiêu chí thành lập khu bảo tồn;
3. Vị trí địa lý, ranh giới, diện tích khu bảo tồn, các phân khu chức năng và vùng đệm của khu bảo tồn;
4. Kế hoạch quản lý khu bảo tồn;
5. Tổ chức quản lý khu bảo tồn;
6. Ý kiến của các bên liên quan.

IV. Thành phần Hội đồng thẩm định

1. Đối với Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường thành lập bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Phó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành (Cơ quan thường trực), các thành viên là đại diện của các Bộ: Tài chính; Nội vụ; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; đại diện các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Kế hoạch – Tài chính, Tổ chức cán bộ, Cục Quản lý đất đai, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam; đại diện Ủy ban nhân dân các tỉnh nơi dự kiến thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia; chuyên gia (nếu cần thiết) và đại diện phòng chuyên môn của Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học.

2. Đối với Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành cấp tỉnh (Cơ quan thường trực cấp tỉnh), các thành viên là đại diện của các Sở: Tài chính; Nội vụ; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; đại diện Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến thành lập khu bảo tồn đất ngập nước; chuyên gia (nếu cần thiết) và đại diện phòng chuyên môn của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

V. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng thẩm định

1. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng:
 - a) Quyết định triệu tập cuộc họp Hội đồng thẩm định;
 - b) Điều hành cuộc họp Hội đồng thẩm định;
 - c) Xử lý các ý kiến được nêu trong cuộc họp Hội đồng thẩm định; kết luận cuộc họp hội đồng và chịu trách nhiệm về các kết luận của Hội đồng thẩm định;
 - d) Ký biên bản cuộc họp Hội đồng thẩm định và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực của các nội dung ghi trong biên bản họp Hội đồng thẩm định theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quy chế này;
 - đ) Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của thành viên Hội đồng thẩm định thực hiện theo điểm 2 Mục V dưới đây.
2. Trách nhiệm và quyền hạn của thành viên Hội đồng thẩm định:
 - a) Xem xét nghiên cứu, đánh giá, góp ý hoàn thiện nội dung hồ sơ dự án

thành lập khu bảo tồn đất ngập nước;

b) Tham gia cuộc họp Hội đồng thẩm định, trường hợp không tham dự cuộc họp hội đồng, có trách nhiệm gửi bản nhận xét đối với hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cho cơ quan tổ chức thẩm định trước khi cuộc họp Hội đồng thẩm định được tiến hành ít nhất 01 ngày làm việc;

c) Viết bản nhận xét về hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quy chế này và trình bày bản nhận xét tại cuộc họp Hội đồng thẩm định;

d) Điền phiếu thẩm định hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quy chế này;

đ) Có ý kiến tại cuộc họp Hội đồng thẩm định; bảo lưu ý kiến trong trường hợp có ý kiến khác với kết luận của Hội đồng thẩm định;

e) Viết nhận xét về hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước đã được chỉnh sửa, bổ sung sau cuộc họp Hội đồng thẩm định khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan tổ chức thẩm định;

g) Tham gia các hoạt động có liên quan đến thẩm định hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước khi Chủ tịch hội đồng hoặc cơ quan tổ chức thẩm định yêu cầu;

h) Có trách nhiệm trước cơ quan tổ chức thẩm định về các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước và những nội dung công việc được phân công trong quá trình thẩm định; đảm bảo các quy định về bảo mật thông tin có trong hồ sơ, quá trình thẩm định theo quy định của pháp luật và nộp lại các tài liệu này khi có yêu cầu của cơ quan tổ chức thẩm định sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT HỒ SƠ DỰ ÁN THÀNH LẬP
KHU BẢO TỒN ĐẤT NGẬP NƯỚC ...(1)....

1. Họ và tên người nhận xét:

2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác:

3. Nơi công tác (*tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax, E-mail*):

4. Tên dự án:

5. Nhận xét về tính phù hợp và những yêu cầu cần chỉnh sửa bổ sung của hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước(1)....theo các nội dung:

- a) Mục đích bảo tồn đa dạng sinh học của khu bảo tồn;
- b) Mức độ đáp ứng tiêu chí thành lập khu bảo tồn;
- c) Vị trí địa lý, ranh giới, diện tích khu bảo tồn, các phân khu chức năng và vùng đệm của khu bảo tồn;
- d) Kế hoạch quản lý khu bảo tồn;
- đ) Tổ chức quản lý khu bảo tồn;
- e) Ý kiến của các bên liên quan (*chính quyền địa phương nơi thành lập khu bảo tồn, cộng đồng dân cư sinh sống trong, tiếp giáp hoặc có hoạt động tại khu vực thành lập khu bảo tồn...*).

6. Những nhận xét khác:

- a) Về hồ sơ dự án (*thành phần và chất lượng hồ sơ*).
- b) Về thông tin, số liệu sử dụng trong hồ sơ dự án.
- c) Về cơ sở khoa học, cơ sở pháp lý, độ tin cậy, tính logic của các đánh giá, kết luận nêu trong dự án thành lập khu bảo tồn.
- d) Các nhận xét khác theo nội dung hồ sơ dự án.

7. Kết luận và đề nghị (*nêu rõ 03 mức độ: đạt yêu cầu; đạt yêu cầu với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; không đạt yêu cầu và phải hoàn thiện hồ sơ để thẩm định lại*).

....(2)...., ngày... tháng ... năm...

NGƯỜI NHẬN XÉT

(*Ký, ghi rõ họ tên*)

Ghi chú:

(1) Tên của khu bảo tồn đất ngập nước và địa chỉ ranh giới hành chính nơi thành lập khu bảo tồn;

(2) Địa danh nơi ghi nhận xét.

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Được đóng dấu treo của cơ quan
tổ chức thẩm định hoặc cơ quan
được giao tổ chức thẩm định (1))

PHIẾU THẨM ĐỊNH
HỒ SƠ DỰ ÁN THÀNH LẬP KHU BẢO TỒN ĐẤT NGẬP NƯỚC...(2)

1. Họ và tên:
2. Nơi công tác: *tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax, E-mail*
3. Lĩnh vực chuyên môn: *chỉ ghi tối đa 02 lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm nhất và liên quan đến việc thẩm định hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn*
4. Chức danh trong Hội đồng thẩm định:
5. Quyết định số....ngày ... tháng ... năm ... của về thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước ...
6. Tên dự án:
7. Ý kiến thẩm định về báo cáo dự án

TT	Nội dung thẩm định	Kết quả thẩm định		Yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung
		Đạt	Không đạt	
1	Mục đích bảo tồn đa dạng sinh học của khu bảo tồn			
2	Mức độ đáp ứng tiêu chí thành lập khu bảo tồn			
3	Vị trí địa lý, ranh giới, diện tích khu bảo tồn, các phân khu chức năng và vùng đệm của khu bảo tồn			
4	Kế hoạch quản lý khu bảo tồn			
5	Tổ chức quản lý khu bảo tồn			
6	Ý kiến của các bên liên quan (cơ quan, tổ chức có liên quan, chính quyền địa phương nơi thành lập khu bảo tồn, cộng đồng dân cư sinh sống trong, tiếp giáp hoặc có hoạt động tại khu vực thành lập khu bảo tồn...)			

8. Kết quả thẩm định: *lựa chọn bằng cách chỉ đánh dấu x (vào một ô vuông) theo 01 trong 03 mức dưới đây và ký tên vào bên cạnh ô vuông được lựa chọn:*

- Đạt yêu cầu: ☐
- Đạt yêu cầu với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: ☐
- Không đạt yêu cầu: ☐

9. Kiến nghị:

....(3)...., ngày ... tháng ... năm ...
NGƯỜI VIẾT PHIẾU THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan tổ chức thẩm định.
- (2) Tên của khu bảo tồn đất ngập nước.
- (3) Địa danh nơi họp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH HỒ SƠ DỰ ÁN THÀNH LẬP
KHU BẢO TỒN ĐẤT NGẬP NƯỚC...(1)...**

Tên cuộc họp: Họp hội đồng thẩm định hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước...(1)...

Quyết định số....ngày ... tháng ... năm ... của ...(2)..... về thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước ...(1)

Thời gian họp: ngày ... tháng ... năm ...

Địa chỉ nơi họp: ...

1. Thành phần tham dự phiên họp:

a) Hội đồng thẩm định

- Thành viên có mặt: *(chỉ nêu số lượng thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên trong quyết định thành lập hội đồng, ví dụ: 7/9);*

- Thành viên vắng mặt: *(ghi số lượng kèm theo họ tên, chức danh trong hội đồng của các thành viên vắng mặt, lý do vắng mặt).*

b) Cơ quan xây dựng dự án: *(ghi rõ họ, tên, chức vụ tất cả các thành viên của cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng hồ sơ dự án tham dự họp).*

c) Đại biểu tham dự *(nếu có):*

2. Nội dung và diễn biến phiên họp: *(yêu cầu ghi theo trình tự diễn biến của phiên họp hội đồng, ghi đầy đủ, trung thực các câu hỏi, trả lời, các ý kiến trao đổi, thảo luận của các bên tham gia phiên họp hội đồng thẩm định); dự kiến bao gồm các nội dung sau:*

a) Cơ quan tổ chức hội đồng thẩm định thông báo lý do cuộc họp và giới thiệu thành phần tham dự; Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp.

b) Chủ tịch Hội đồng đề cử thư ký hội đồng và thống nhất ý kiến trong hội đồng.

c) Cơ quan xây dựng dự án trình bày nội dung dự án thành lập khu bảo tồn: *(ghi những nội dung chính được trình bày, đặc biệt chú trọng vào các nội dung trình bày khác so với hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước).*

d) Thảo luận, trao đổi giữa thành viên hội đồng với đơn vị xây dựng hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn về nội dung của hồ sơ: *(ghi chi tiết và đầy đủ các nội dung trao đổi).*

đ) Ý kiến nhận xét về báo cáo của các thành viên hội đồng.

e) Ý kiến của các đại biểu tham dự *(nếu có)*.

g) Ý kiến phản hồi của đơn vị xây dựng hồ sơ dự án và đại diện của địa phương nơi thành lập khu bảo tồn.

3. Kết luận của Hội đồng

a) Chủ tịch Hội đồng công bố kết luận của Hội đồng thẩm định: *(được tổng hợp trên cơ sở ý kiến của các thành viên hội đồng thẩm định, trong đó tóm tắt ngắn gọn những ưu điểm nổi trội, những nội dung đạt yêu cầu của hồ sơ, những nội dung của báo cáo, hồ sơ cần phải được chỉnh sửa, bổ sung)*.

b) Ý kiến khác của các thành viên Hội đồng thẩm định *(nếu có)*:

c) Ý kiến đại diện của địa phương nơi thành lập khu bảo tồn về kết luận của hội đồng:

d) Kết quả kiểm phiếu thẩm định:

- Số phiếu đạt yêu cầu:

- Số phiếu đạt yêu cầu với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung:

- Số phiếu không đạt yêu cầu:

đ) Kết luận của hội đồng

- Đạt yêu cầu:

☐

- Không đạt yêu cầu:

☐

Các yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung (nếu có):.....

Chủ tịch Hội đồng tuyên bố kết thúc phiên họp vào lúc... giờ... phút, ngày.... tháng ... năm....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi họ tên)

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi họ tên)

Ghi chú: Chủ tịch Hội đồng và thư ký Hội đồng ký phía dưới của từng trang biên bản (trừ trang cuối).

(1) Tên khu bảo tồn đất ngập nước;

(2) Tên, chức danh và cơ quan người ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.